

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Căn cứ Điều 212; 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Hà Kim D, sinh năm 1985.

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 2A, ngõ 44, ngách 124 đường Trần T, tổ 25, phường D, quận C, thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Hà Kim D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thành phố BG, tỉnh BG ngày 12/4/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách. Nay anh chị xác định mâu

thuần vợ chồng thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh M, sinh ngày 11/12/2013 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 09/8/2015. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản chung (cả động sản và bất động sản): Anh T và chị D tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị D xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh T và chị D thống nhất để chị D chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra anh T và chị D không có yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Hà Kim D.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Hà Kim D có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh M, sinh ngày 11/12/2013 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 09/8/2015. Giao cháu Nguyễn Tuấn T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Anh M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 4 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (cả động sản và bất động sản): Anh T và chị D tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị D xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Kim D chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn. Số tiền chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số 0003287 ngày 14/02/2020 được đối trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận C;
- UBND xã X, thành phố BG, tỉnh BG;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Hương